TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2017.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Dũng

2. Bà Trần Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp 6, xã Suối D, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh **Đoàn Minh Đ,** sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp 6, xã Suối D, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đ sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 4/2017 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc dẫn đến không còn tin tưởng,

tình cảm với nhau. Chị và anh Đ đã ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Minh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Phạm Công D, sinh ngày 25/5/2008 và cháu Phạm Danh D, sinh ngày 08/8/2014, hiện tại hai cháu đang sống chung với anh Đ, nay chị yêu cầu giao 02 con chung cho anh Đ nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 6 năm 2017, bị đơn anh Đoàn Minh Đ trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung. Chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Về con chung anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Phạm Thị Thu T và anh Đoàn Minh Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị Thu T và anh Đoàn Minh Đ là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Phạm Công D, sinh ngày 25/5/2008 và cháu Phạm Danh D, sinh ngày 08/8/2014 cho anh Đoàn Minh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh Đ trình bày tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Thu T và anh Đoàn Minh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh Đ chung sống với nhau vào từ năm 2004 không có đăng ký kết hôn. Xét việc sống chung với nhau như vợ chồng của chị T, anh Đ không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do vậy, căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị Thu T và anh Đoàn Minh Đ là vợ chồng là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ đều thống nhất giao con chung là các cháu Phạm Công D, sinh ngày 25/5/2008 và Phạm Danh D, sinh ngày 08/8/2014 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của anh Đ, chị T, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14,15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị Thu T và anh Đoàn Minh Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Công D, sinh ngày 25/5/2008 và Phạm Danh D, sinh ngày 08/8/2014 cho anh Đoàn Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ đến thăm con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp tại biên lai thu số 0024257 ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu T và anh Đoàn Minh Đ được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.TC;
- THA-DS TC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

(Đã Ký)

Phạm Thị Xuân Lan